

Thứ tư, ngày 31 tháng 10 năm 2018

Vietnam Daily Review

Tâm lý lạc quan

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 01/11/2018		•	
Tuần 29/10-2/11/2018		•	
Tháng 10/2018		•	

Điểm nhấn

- Chỉ số VN-Index biến động tăng ở phiên sáng, ở phiên chiều, chỉ số tăng mạnh hơn.
- Nhóm cổ phiếu kéo chỉ số tăng điểm nhiều nhất bao gồm VHM (+3.63 điểm); GAS (+3.01 điểm); BID (+2.04 điểm); MSN (+1.83 điểm); VCB (+1.58 điểm)
- Nhóm cổ phiếu khiến thị trường giảm điểm bao gồm VNM (-0.65 điểm); BHN (-0.19 điểm); HDB (-0.12 điểm); HSG (-0.08 điểm); NKG (-0.04 điểm)
- Dòng tiền tập trung vào nhóm cổ phiếu dầu khí và thương mại, thanh khoản tăng so với phiên trước.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index trong phiên hôm nay đạt 3,211.2 tỷ đồng. Biên độ dao động trong phiên hôm nay là 20.53 điểm. Thị trường có 226 mã tăng và 68 mã giảm.
- Kết thúc phiên giao dịch ngày hôm nay, VN-Index tăng 26.07 điểm, đóng cửa tại 914.76 điểm. Cùng lúc đó, HNX-Index tăng 6.88 điểm lên 189.34 điểm.
- Khối ngoại hôm nay đã bán ròng 163.09 tỷ đồng trên sàn HOSE tập trung tại các mã VNM (70.76 tỷ), VHM (46.90 tỷ) và VHC (34.02 tỷ). Tuy nhiên, họ đã mua ròng 2.64 tỷ đồng trên sàn HNX.

Nhận định thị trường

Ngay đầu trong phiên sáng, chỉ số VN-Index đã tăng điểm. Lực mua xuất hiện từ giữa phiên ở một số cổ phiếu bluechips: VHM, MSN, VJC, nhóm cổ phiếu ngân hàng: VCB, CTG, TCB, BID với BID tăng kịch trần và nhóm cổ phiếu dầu khí: GAS, PVS, PVD, PLX,...khiến chỉ số tăng điểm. Đến phiên chiều, chỉ số VN-Index tiếp tục đà tăng điểm với tâm lý tích cực hơn phiên sáng và dòng tiền tiếp tục đổ mạnh vào thị trường với các mã lần lượt tăng trần như VHM, PVD, DXG, VND, TCM. Thanh khoản thị trường hôm nay là 4522.26 tỷ được cải thiện so với phiên hôm qua, tuy nhiên khối ngoại quay đầu bán ròng. Theo quan điểm BSC, thị trường cuối tháng 10 có phiên phục hồi sau 9 phiên giảm điểm liên tiếp và kiểm tra đáy thành công ở phiên hôm qua nhờ những thông tin tích cực mùa công KQKD quý 3 cũng như tâm lý lạc quan quay trở lại các thị trường khu vực và thế giới. Dự báo thị trường sẽ có thể kiểm tra ngưỡng 919 - 924 điểm trước khi thử thách ngưỡng tâm lý quan trọng ở 939 - 940 điểm ở các phiên sau.

Thêm TCB vào danh mục cơ bản

Phân tích kỹ thuật:

TCB_ Tín hiệu tích cực

(Vui lòng tải và xem trang 2)

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Trần Thành Hưng

hungtt@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Đặng Quang

quangd@bsc.com.vn

VN-INDEX **888.69**
Giá trị: 3211.2 tỷ **-0.13 (-0.01%)**
Khối ngoại (ròng): -163.09 tỷ

HNX-INDEX **101.72**
Giá trị: 477.07 tỷ **0.55 (0.54%)**
Khối ngoại (ròng): 2.64 tỷ

UPCOM-INDEX **51.21**
Giá trị: 342.3 tỷ **0.27 (0.53%)**
Khối ngoại (ròng): -6.2 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	66.9	-0.25%
Giá vàng	1,224	-0.43%
Tỷ giá USD/VND	23,343	-0.03%
Tỷ giá EUR/VND	26,540	-0.06%
Tỷ giá JPY/VND	20,696	-0.40%
LS liên NH 1 tháng	0.0%	0.00%
LS TPCP 5 năm	4.8%	0.00%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VJC	54.2	HSG	34.9
VNM	39.4	HPG	27.7
GAS	36.3	CTD	11.2
VCB	32.7	BVH	8.9
MSN	24.6	HBC	6.1

Nguồn: BSC Research

Tổng quan thị trường	Trang 1
Phân tích kỹ thuật	Trang 2
Danh mục khuyến nghị	Trang 3
Cổ phiếu lớn	Trang 4
Thống kê thị trường	Trang 5
Báo cáo mới nhất	Trang 6
Khuyến cáo sử dụng	Trang 7

Cập nhật cổ phiếu đáng chú ý trong ngày

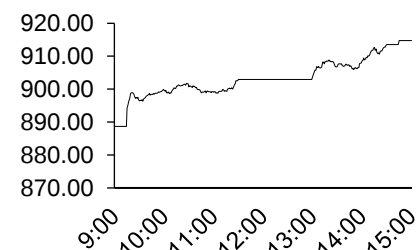
Mã	Thanh khoản (tr \$)	Đóng cửa (nghìn)	Hỗ trợ (nghìn)	Kháng cự (nghìn)	Trạng thái	Ghi chú
HPG	7.3	40.3	38	43	NGỪNG MUA	Tăng giá kéo dài
ACB	6.2	30.3	28	35	MUA	Giảm giá kéo dài
VJC	6.0	133.7	121	154	MUA	Giảm giá kéo dài
HSG	5.9	9.2	9	10	NGỪNG BÁN	Giảm giá kéo dài
CTG	5.8	23.4	23	28	MUA	Giảm giá kéo dài
VRE	4.5	29.8	28	31	MUA	Giảm giá kéo dài
PVS	4.2	19.0	15	20	NGỪNG BÁN	Hồi phục trong ngắn hạn
SBT	4.0	20.7	20	21	NGỪNG MUA	Tăng giá kéo dài
MSN	3.6	83.0	71	87	NGỪNG MUA	Hồi phục giá trong ngắn hạn
DXG	3.4	24.3	24	29	NGỪNG MUA	Giảm giá kéo dài

Lê Quốc Trung

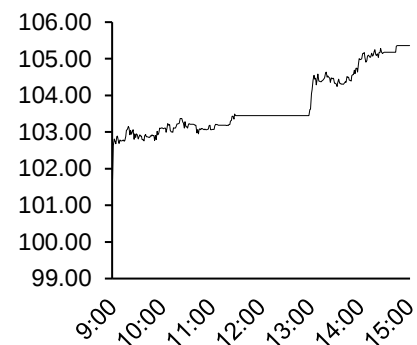
trunglq@bsc.com.vn

Hình 1

HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 1

Hợp đồng tương lai

Ticker	Đóng	± Ngày	± KLGD
VN30F1811	876.0	-0.2%	-16.8%
VN30F1812	874.5	-0.4%	-41.2%
VN30F1903	880.0	0.2%	-95.0%
VN30F1906	875.3	-0.5%	-55.2%

Bảng 2

Top tăng điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
MSN	78	2.0	1.3
MWG	107	2.3	0.8
VCB	54	2.5	0.7
VJC	126	1.0	0.5
PNJ	92	1.7	0.3

Top giảm điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
VNM	117	-2	-2.0
VRE	35	-2	-1.0
VIC	97	-1	-0.6
NVL	70	-1	-0.5
HPG	39	0	-0.3

Phân tích kỹ thuật

TCB_ Tín hiệu tích cực

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Giảm giá trung hạn
- Chỉ báo xu hướng MACD: Duy trì dưới mức 0
- Chỉ báo RSI: Chạm Bollinger dưới
- Đường MA: Các đường MA 20 MA 50 và MA 100 có xu hướng cắt nhau

Nhận định: TCB là cổ phiếu ngành Ngân hàng đang trong xu hướng giảm giá trung hạn. Khối lượng giao dịch của TCB trong khoảng 1 tháng gần đây tăng đáng kể so với chu kỳ trước. Giá TCB hiện vừa phản ứng khi chạm ngưỡng hỗ trợ mạnh tại vùng giá 25.2 thể hiện qua việc liên tục thử thách mức giá này 2 lần liên tiếp. Hôm nay TCB đã hình thành một cây nến Engulfing tăng mạnh, nhiều khả năng đà tăng này tiếp diễn trong trung hạn.

Created with Amibroker - advanced charting and technical analysis software. <http://www.amibroker.com>

Danh mục khuyến nghị

Danh mục ngắn hạn

TT	Mã	Ngày mua	Giá mua	Giá hiện tại	Hiệu suất tổng	Dùng lỗ	Mục tiêu
1	REE	20/7/2018	32.70	31.50	-3.7%	30.1	37.6
2	HT1	22/8/2018	12.60	12.15	-3.6%	11.6	14.5
3	PTB	10/4/2018	64.00	61.00	-4.7%	58.9	73.6
Trung bình					-4.0%		

Nguồn: BSC Research

Danh mục CANSLIM

TT	Mã	Ngày mua	Giá mua	Giá hiện tại	Hiệu suất tổng	Dùng lỗ	Mục tiêu
1	MBB	27/4/2015	13.8	21.90	58.7%	34.4	37.1
2	HPG	28/10/2016	25.5	40.25	58.0%	24.2	43.5
3	HCM	18/09/2017	41.9	54.80	30.8%	39.8	60.0
Trung bình					49.2%		

Nguồn: BSC Research

Danh mục cơ bản

TT	Mã	Ngày mua	Giá mua	Giá hiện tại	Hiệu suất tổng	Dùng lỗ	Mục tiêu
1	PVT	23/06/2016	11.1	17.5	57.7%	17.0	22.7
2	TCB	31/10/2018	26.9	26.9	0.0%	25.0	30.0
Trung bình					28.8%		

Nguồn: BSC Research

Mã	Ngành	Đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE	
MWG	Bán lẻ	112.8	5.3%	0.7	1,583	1.8	8,641	13.1	4.5	49.0%	41.2%	
PNJ	Bán lẻ	97.0	5.9%	0.9	684	1.6	5,428	17.9	4.6	49.0%	30.0%	
BVH	Bảo hiểm	98.1	1.8%	1.3	2,989	1.2	1,731	56.7	4.5	24.8%	8.5%	
PVI	Bảo hiểm	31.6	1.9%	0.8	318	0.0	2,265	14.0	1.1	43.9%	7.8%	
VIC	Bất động sản	97.2	0.6%	1.0	13,488	2.5	1,292	75.2	6.9	9.9%	11.2%	
VRE	Bất động sản	29.8	5.8%	1.1	3,017	4.5	646	46.2	2.7	31.4%	5.7%	
NVL	Bất động sản	71.1	1.3%	0.8	2,805	1.3	2,368	30.0	3.9	7.9%	13.7%	
REE	Bất động sản	31.5	2.4%	1.1	425	0.5	5,068	6.2	1.1	49.0%	19.1%	
DXG	Bất động sản	24.3	6.8%	1.5	370	3.4	3,042	8.0	1.8	47.5%	25.9%	
SSI	Chứng khoán	28.7	4.2%	1.3	622	3.0	3,046	9.4	1.6	57.5%	14.4%	
VCI	Chứng khoán	52.3	2.8%	1.0	371	0.2	4,289	12.2	2.8	41.3%	30.5%	
HCM	Chứng khoán	54.8	2.8%	1.4	309	0.5	6,094	9.0	2.3	61.9%	27.8%	
FPT	Công nghệ	42.0	2.3%	0.9	1,119	0.6	5,322	7.9	2.2	49.0%	28.6%	
FOX	Công nghệ	51.0	-1.0%	0.4	501	0.0	3,453	14.8	3.8	0.2%	26.5%	
GAS	Dầu khí	104.0	5.1%	1.5	8,654	2.3	6,473	16.1	4.7	3.6%	30.6%	
PLX	Dầu khí	59.5	4.0%	1.5	2,998	1.9	3,254	18.3	3.7	11.0%	18.3%	
PVS	Dầu khí	19.0	6.1%	1.8	395	4.2	1,747	10.9	0.8	20.2%	7.8%	
BSR	Dầu khí	16.5	5.1%	0.8	2,224	1.9	#N/A	N/A	N/A	N/A	35.9%	23.0%
DHG	Dược	84.0	0.4%	0.5	478	0.2	4,037	20.8	3.7	49.4%	18.3%	
DPM	Hóa chất	18.8	3.3%	0.9	320	0.4	1,492	12.6	0.9	21.0%	8.1%	
DCM	Hóa chất	9.8	1.2%	0.7	226	0.1	790	12.4	0.8	4.0%	6.6%	
VCB	Ngân hàng	55.6	2.6%	1.3	8,697	3.0	3,360	16.5	3.3	20.8%	20.9%	
BID	Ngân hàng	29.5	6.9%	1.7	4,385	2.1	2,401	12.3	2.0	2.7%	17.4%	
CTG	Ngân hàng	23.4	5.4%	1.6	3,788	5.8	2,064	11.3	1.3	30.0%	11.7%	
VPB	Ngân hàng	21.4	5.2%	1.2	2,286	2.7	2,820	7.6	1.7	23.2%	26.9%	
MBB	Ngân hàng	21.9	2.6%	1.2	2,057	4.8	2,366	9.3	1.5	20.0%	17.4%	
ACB	Ngân hàng	30.3	6.3%	1.2	1,643	6.2	3,498	8.7	1.9	34.3%	25.0%	
BMP	Nhựa	57.0	2.0%	0.9	203	0.2	5,586	10.2	1.9	77.4%	18.5%	
NTP	Nhựa	45.9	6.7%	0.4	178	0.0	3,938	11.7	1.9	23.1%	16.6%	
MSR	Tài nguyên	21.4	-0.5%	1.2	837	0.1	229	93.5	1.7	2.1%	1.8%	
HPG	Thép	40.3	4.0%	0.9	3,717	7.3	4,334	9.3	2.2	39.3%	26.7%	
HSG	Thép	9.2	-7.0%	1.5	154	5.9	1,065	8.7	0.7	19.4%	14.0%	
VNM	Tiêu dùng	116.1	-1.0%	0.6	8,790	5.4	5,065	22.9	7.8	59.0%	34.9%	
SAB	Tiêu dùng	222.5	0.1%	0.8	6,204	0.5	6,902	32.2	9.1	9.8%	31.2%	
MSN	Tiêu dùng	83.0	6.4%	1.1	4,197	3.6	5,416	15.3	5.0	37.8%	30.9%	
SBT	Tiêu dùng	20.7	0.5%	0.7	446	4.0	869	23.8	1.7	9.7%	11.3%	
ACV	Vận tải	80.6	2.0%	0.8	7,629	0.1	1,883	42.8	6.4	3.6%	15.9%	
VJC	Vận tải	133.7	6.1%	1.1	3,148	6.0	9,463	14.1	6.8	23.8%	67.1%	
HVN	Vận tải	33.5	3.7%	1.7	1,818	0.6	1,727	19.4	2.7	9.2%	14.6%	
GMD	Vận tải	27.5	1.9%	0.9	354	1.7	6,311	4.3	1.3	44.8%	30.1%	
PVT	Vận tải	17.5	3.2%	0.7	214	0.1	2,165	8.1	1.3	34.3%	16.7%	
VCS	Vật liệu xây dựng	73.2	3.1%	1.0	509	0.4	5,620	13.0	4.2	2.6%	43.2%	
VGC	Vật liệu xây dựng	15.6	2.6%	0.9	304	0.6	1,084	14.4	1.1	24.8%	9.0%	
HT1	Vật liệu xây dựng	12.2	3.0%	0.8	202	0.1	1,599	7.6	0.9	5.0%	12.2%	
CTD	Xây dựng	145.6	4.0%	0.8	496	0.6	20,202	7.2	1.4	44.4%	21.1%	
VCG	Xây dựng	18.5	1.6%	1.3	355	0.7	2,384	7.8	1.3	10.9%	19.2%	
CII	Xây dựng	23.8	1.3%	0.6	253	0.4	332	71.5	1.2	54.2%	1.7%	
POW	Điện	13.9	2.2%	0.6	1,415	0.5	1,026	13.6	1.2	71.9%	9.1%	
NT2	Điện	24.7	2.3%	0.6	309	0.1	2,874	8.6	1.9	21.5%	19.8%	

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VCB	54.20	2.46	1.48	1.34MLN
GAS	99.00	2.06	1.21	526490.00
MSN	78.00	1.96	0.55	819270.00
BVH	96.40	1.80	0.38	229710.00
VHM	62.10	0.49	0.25	574230.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VNM	117.30	-2.25	-1.48	535070.00
BID	27.60	-4.50	-1.40	3.14MLN
VIC	96.60	-0.62	-0.60	452080.00
VRE	34.50	-1.99	-0.42	1.24MLN
NVL	70.20	-1.40	-0.29	278100.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SVI	43.75	6.97	0.01	2110.00
FIR	24.60	6.96	0.01	10200.00
HSL	23.85	6.95	0.01	891520.00
AGF	5.39	6.94	0.00	6720.00
HOT	26.20	6.94	0.00	290.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
TGG	6.92	-6.99	0.00	48150.00
TIE	8.13	-6.98	0.00	20.00
TIX	32.10	-6.96	-0.02	60.00
DAT	18.15	-6.92	-0.02	10.00
MCG	2.69	-6.92	0.00	29510.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACB	28.50	1.79	0.63	3.62MLN
PGS	30.00	3.45	0.03	100500.00
NVB	9.50	1.06	0.03	1.46MLN
VCG	18.20	2.25	0.03	1.79MLN
VGC	15.20	0.66	0.02	910500.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
TV2	101.70	-10.00	-0.06	272800.00
VCS	71.00	-1.66	-0.04	214500.00
L14	32.60	-9.94	-0.04	110400.00
PVI	31.00	-2.21	-0.03	17700.00
TVC	10.50	-7.08	-0.03	206100.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

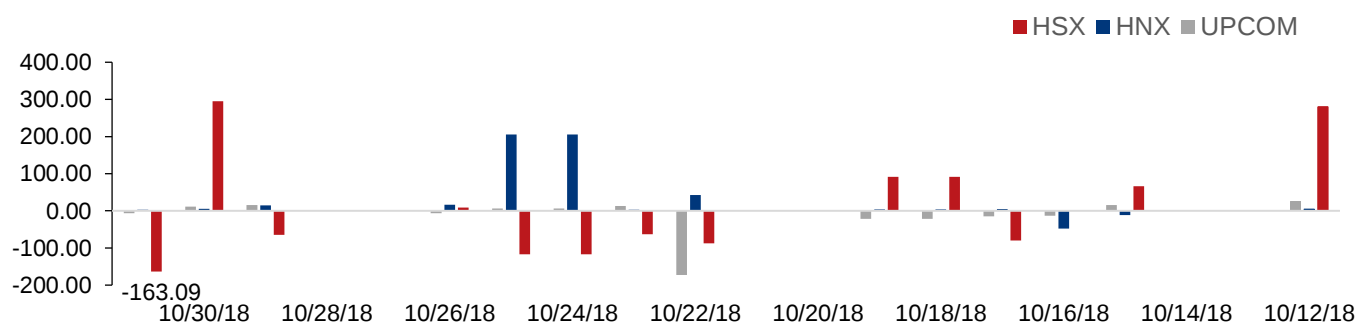
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
PVV	0.70	16.67	0.00	106500.00
CVN	7.70	10.00	0.00	34500.00
VE1	11.00	10.00	0.00	1000.00
TTZ	8.90	9.88	0.00	100.00
KDM	3.50	9.38	0.00	20300.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
BII	0.90	-10.00	-0.01	526200.00
DIH	16.20	-10.00	0.00	200.00
L35	4.50	-10.00	0.00	2600.00
MEC	2.70	-10.00	0.00	400.00
PSW	8.10	-10.00	0.00	100.00

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Loại báo cáo	Mã cổ phiếu liên quan	Link tải báo cáo	Link dự phòng
1	BSC_Việt Nam TTCK Mới nổi FTSE	Phân tích vĩ mô		Click	
2	Vĩ mô_Tháng 08_Kỳ vọng nâng hạng từ FTSE	Phân tích vĩ mô		Click	
3	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2018	Phân tích ngành		Click	
4	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2018	Phân tích ngành		Click	
5	Vĩ mô_Tháng 07_Phân hóa sau mùa KQKD quý II	Phân tích vĩ mô		Click	
6	Vĩ mô 2018M6_Ấn số từ các yếu tố bên ngoài	Phân tích vĩ mô		Click	
7	Vĩ mô 2018M5_Phục hồi từ hoạt động đầu tư cơ	Phân tích vĩ mô		Click	
8	Vĩ mô 2018M4_Câu chuyện của niềm	Phân tích vĩ mô		Click	
9	Vĩ mô 2018M3_Hành trình vượt đỉnh 11	Phân tích vĩ mô		Click	
10	Vĩ mô 2018M02_Tích lũy để tăng	Phân tích vĩ mô		Click	
11	BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2018M01	Phân tích vĩ mô		Click	
12	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2018	Phân tích vĩ mô		Click	
13	BSC_Vietnam Sector Review_2017_VN_Part 1	Phân tích ngành		Click	
14	BSC_Vietnam Sector outlook_2018_VN_Part 2	Phân tích ngành		Click	
15	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2017	Phân tích ngành		Click	
16	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2017	Phân tích ngành		Click	
17	BSC_Sector insight_Đánh giá tác động SBV hạ	Phân tích vĩ mô		Click	
18	BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2017M09	Phân tích vĩ mô		Click	
19	BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2017M08	Phân tích vĩ mô		Click	
20	BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2017M07	Phân tích vĩ mô		Click	

Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo	Link dự phòng
1	CSM	Cao su	Nắm giữ	14/03/2018	14.7	17.0	15.1	157	96.0	1.3	Click	
2	NT2	Điện	Nắm giữ	3/12/2018	29.3	30.2	24.7	2,874	8.6	1.9	Click	
3	EIB	Ngân hàng	Mua	3/12/2018	15.0	17.3	13.7	1,102	12.4	1.1	Click	
4	VIS	Thép	Theo dõi	13/03/2018	34.7	43.0	24.0	-2,092	#N/A N/A	1.9	Click	
5	ACB	Ngân hàng	Mua	3/12/2018	46.8	55.8	30.3	3,498	8.7	1.9	Click	
6	VSC	Vận tải	Nắm giữ	3/8/2018	42.1	45.4	38.6	5,746	6.7	1.3	Click	
7	DIG	Bất động sản	Mua	3/8/2018	27.3	36.6	14.2	1,087	13.1	1.2	Click	
8	PVT	Vận tải	Nắm giữ	3/5/2018	18.0	20.2	17.5	2,165	8.1	1.3	Click	
9	HPG	Thép	Mua	3/1/2018	66.7	79.3	40.3	4,334	9.3	2.2	Click	
10	DXG	Bất động sản	Mua mạnh	2/12/2018	28.2	40.0	24.3	3,042	8.0	1.8	Click	
11	TNG	Dệt may	Mua	16/01/2018	15.5	18.1	16.9	3,200	5.3	1.1	Click	
12	CSV	Cao su	Mua	12/6/2017	34.3	42.0	32.0	5,796	5.5	1.8	Click	
13	FPT	Công nghệ	Mua	15/11/2017	56.9	70.2	42.0	5,322	7.9	2.2	Click	
14	VCB	Ngân hàng	Nắm giữ	13/11/2017	43.1	45.0	55.6	3,360	16.5	3.3	Click	
15	PVS	Dầu khí	Mua	11/8/2017	16.1	17.5	19.0	1,747	10.9	0.8	Click	
16	MBB	Ngân hàng	Mua	11/3/2017	22.6	26.0	21.9	2,366	9.3	1.5	Click	
17	CTD	Xây dựng	Mua	11/3/2017	225.0	254.3	145.6	20,202	7.2	1.4	Click	
18	HAG	Nông nghiệp	Mua	11/2/2017	8.0	14.6	5.1	-370	#N/A	0.3	Click	
19	RAL	Tiêu dùng	Mua	24/10/2017	134.1	167.5	90.0	18,132	5.0	1.4	Click	
20	PNJ	Bán lẻ	Mua	23/10/2017	109.0	132.0	97.0	5,428	17.9	4.6	Click	

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV

35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ

Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: BSCV <GO>

